

An Giang, ngày 19 tháng 6 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN  
TỈNH AN GIANG**

**1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua**

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước tăng chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước xuống chậm. Mực nước cao nhất thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 30-90cm và cao hơn TBNN từ 05-30cm
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước xuống chậm. Mực nước cao nhất thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 10-30cm và cao hơn TBNN từ 30-55cm
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch lên chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 18/6 thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 05-25cm và phổ biến thấp hơn TBNN từ 05-15cm.
- Khu vực cửa sông: Mực nước biến đổi chậm, đỉnh triều trạm Xẻo Rô xấp xỉ BĐI.

**2. Dự báo, cảnh báo**

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mực nước trên các sông, kênh có xu thế xuống chậm theo triều trong những ngày tới.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: mực nước có xu thế xuống chậm theo triều trong những ngày tới.
- Khu vực nội đồng TGLX: mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch biến đổi chậm trong những ngày tới với xu thế giảm chậm.
- Vùng cửa sông: Đỉnh triều trên sông Cái Lớn - Cái Bé xuống nhanh tới ngày 22/6, sau lên chậm.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Khả năng xuất hiện xâm nhập mặn trên sông Cái Lớn-Cái Bé, kênh Cái Sắn vào thời điểm triều cường.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ có khả năng ảnh hưởng đến sinh hoạt và hoạt động sản xuất người dân.

**3. Ghi chú**

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 20/6/2026

Tin phát lúc: 11h30'

Người chịu trách nhiệm  
ban hành bản tin

Nguyễn Thị Cẩm Loan

## Phụ lục

## Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ (cm)			Giá trị ngày		So với		So với cùng kỳ 2025		So với TBNN		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III	18/06		17/06						19/06	20/06	21/06	22/06	23/06
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	134	-4	▼	-48	▼	6	▲	126	121	118	115	110
					Hmin	-21	4	▲	-102	▼	-64	▼	-19	-17	-12	-2	13
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	142	-6	▼	-28	▼	31	▲	134	129	126	123	118
					Hmin	-43	3	▲	-77	▼	-32	▼	-41	-39	-34	-24	-9
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	134	-4	▼	-92	▼	-2	▼	126	121	118	115	110
					Hmin	26	0	◀▶	-132	▼	-49	▼	28	26	24	22	20
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	155	-5	▼	-32	▼	31	▲	147	142	139	136	131
					Hmin	-25	3	▲	-85	▼	-48	▼	-23	-21	-16	-6	9
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	164	-5	▼	-9	▼	53	▲	156	151	148	145	140
					Hmin	-46	2	▲	-60	▼	-13	▼	-44	-42	-37	-27	-12
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	146	-4	▼	-29	▼	28	▲	138	133	130	127	122
					Hmin	-40	2	▲	-80	▼	-41	▼	-38	-36	-31	-21	-6
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	41	2	▲	-14	▼	-7	▼	46	43	40	37	34
					Hmin	10	6	▲	-26	▼	-17	▼	15	13	11	9	7
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	37	1	▲	-6	▼	8	▲	41	40	39	38	37
					Hmin	19	2	▲	-14	▼	-5	▼	22	20	18	16	14
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	39	4	▲	-10	▼	-10	▼	43	42	41	40	39
					Hmin	26	4	▲	-16	▼	-15	▼	29	27	25	23	21
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	33	6	▲	-15	▼	-11	▼	37	36	35	34	33
					Hmin	25	8	▲	-17	▼	-11	▼	28	26	24	22	20
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	40	4	▲	-14	▼	-10	▼	44	43	42	41	40
					Hmin	32	7	▲	-17	▼	-11	▼	35	33	31	29	27
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	48	2	▲	-15	▼	0	◀▶	52	49	46	43	40
					Hmin	14	4	▲	-24	▼	-13	▼	19	17	15	13	11
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	61	1	▲	-13	▼	22	▲	63	61	59	57	55
					Hmin	41	2	▲	-16	▼	13	▲	41	39	37	35	33
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	45	2	▲	-15	▼	-1	▼	48	46	44	42	40
					Hmin	33	3	▲	-15	▼	1	▲	33	31	29	27	25
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	51	0	◀▶	10	▲	25	▲	53	51	49	47	45
					Hmin	32	2	▲	0	◀▶	13	▲	32	30	28	26	24
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	80	1	▲	-10	▼	20	▲	82	80	78	76	74
					Hmin	55	-1	▼	-14	▼	13	▲	55	53	51	49	47
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	109	-3	▼	-13	▼	28	▲	104	100	97	94	93
					Hmin	53	4	▲	-23	▼	4	▲	53	50	47	46	45
RG-LX	Núi Sập	140	180	220	Hmax	74	-2	▼	-8	▼	12	▲	77	75	73	71	69
					Hmin	44	1	▲	-12	▼	1	▲	44	42	40	38	36

RG-LX	Tân Thành	120	150	180	Hmax	58	0	▼	-8	▼	0	▼	61	59	57	55	53
					Hmin	37	-3	▼	-12	▼	-5	▼	37	35	33	31	29
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Hmax	43	-1	▼	-4	▼	4	▲	46	44	42	40	38
					Hmin	28	-3	▼	-8	▼	7	▲	28	26	24	22	20
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	23	0	▼	-6	▼	-10	▼	22	21	20	19	18
					Hmin	-13	-22	▼	-18	▼	13	▲	-3	-1	1	3	5
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	79	4	▲	50	▲	40	▲	68	54	44	40	48
					Hmin	-44	4	▲	-13	▼	-8	▼	-44	-40	-37	-34	-31

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ▼ Xấp xỉ;

### Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





